

# HỌC TIẾNG ANH THÔNG QUA BÀI HÁT: CÁCH TIẾP CẬN LẮY NGƯỜI HỌC LÀM TRUNG TÂM Ở BẬC ĐẠI HỌC

Vũ Thị Duyên

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, Đường Nguyễn Khuyến, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Email: duyen0505@gmail.com

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ (EFL) tại các trường đại học Việt Nam, việc phát triển kỹ năng nghe theo hướng lấy người học làm trung tâm vẫn gặp nhiều hạn chế do sự phụ thuộc vào giáo trình và các hình thức luyện tập truyền thống. Nghiên cứu này nhằm khảo sát hiệu quả của việc sử dụng bài hát tiếng Anh như một công cụ sư phạm trong giảng dạy kỹ năng nghe theo định hướng giao tiếp. Nghiên cứu được triển khai theo phương pháp hỗn hợp với sự tham gia của 90 sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, được chia thành nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Dữ liệu định lượng được thu thập thông qua bài kiểm tra nghe trước và sau can thiệp, trong khi dữ liệu định tính được thu thập bằng phỏng vấn bán cấu trúc. Kết quả cho thấy nhóm thực nghiệm có sự cải thiện đáng kể về năng lực nghe so với nhóm đối chứng, với mức độ ảnh hưởng lớn. Phân tích định tính cho thấy bài hát giúp giảm lo âu, tăng động lực học tập và hỗ trợ người học tiếp cận ngôn ngữ một cách tự nhiên hơn. Nghiên cứu khẳng định vai trò của bài hát như một nguồn đầu vào ngôn ngữ xác thực, góp phần thúc đẩy việc học tiếng Anh theo hướng lấy người học làm trung tâm ở bậc đại học.

**Từ khóa:** bài hát tiếng Anh, kỹ năng nghe, lấy người học làm trung tâm, giảng dạy giao tiếp, sinh viên không chuyên

## LEARNING ENGLISH THROUGH SONGS: A LEARNER-CENTERED APPROACH IN HIGHER EDUCATION

**Abstract:** This mixed-methods study investigates the effectiveness of using English songs as a learner-centered pedagogical tool in teaching listening skills to non-English majors at the tertiary level. The study was conducted with 90 non-English-major students at Dong Nai University of Technology, who were divided into an experimental group and a control group. Over a twelve-week intervention, the experimental group was taught listening skills through English songs integrated into communicative activities, while the control group followed a textbook-based listening approach. Quantitative data were collected through pre-tests and post-tests, and qualitative data were obtained from semi-structured interviews. The findings reveal that the experimental group significantly outperformed the control group in listening comprehension, with a large effect size, indicating a substantial impact of the intervention. Qualitative results further demonstrate that English songs helped reduce learners' anxiety, increase motivation, and promote active engagement in listening tasks. These findings support the view that English songs function as authentic and affective input, facilitating listening development within a learner-centered and communicative framework.

**Keywords:** English songs, listening skills, learner-centered approach, communicative language teaching, non-English majors

Nhận bài: 27.12.2025

Phản biện: 18.01.2026

Duyệt đăng: 24.01.2026

### I. MỞ ĐẦU

Trong những thập kỷ gần đây, cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm đã trở thành xu hướng chủ đạo trong giảng dạy ngoại ngữ, đặc biệt trong khuôn khổ Đường hướng Giao tiếp (Communicative Language Teaching – CLT) (Savignon, 2002). Cách tiếp cận này nhấn mạnh vai trò chủ động của người học trong quá trình kiến tạo tri thức thông qua tương tác và trải nghiệm học tập có ý nghĩa (Nunan, 1995). Tuy nhiên, tại nhiều cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam, việc giảng dạy kỹ năng nghe vẫn chủ yếu dựa trên các bài nghe trong giáo trình, tập trung vào kiểm tra kết quả hơn là chú trọng đến quá trình học tập và trải nghiệm của người học (Field, 2008). Thực tiễn giảng dạy cho thấy sinh viên không chuyên thường gặp khó khăn trong việc nghe hiểu tiếng Anh, đồng thời cảm thấy lo âu và thiếu động lực khi tiếp xúc với các bài nghe học thuật.

Trước thực trạng đó, việc tìm kiếm các học liệu và phương pháp giảng dạy mới nhằm tăng cường sự tham gia và hứng thú của người học là yêu cầu cấp thiết. Bài hát tiếng Anh, với tính xác thực và yếu tố cảm xúc mạnh mẽ, được xem là một công cụ tiềm năng trong giảng dạy kỹ năng nghe (Murphy, 1992). Tuy nhiên, vẫn còn thiếu các nghiên cứu thực nghiệm làm rõ vai trò của bài hát trong việc thúc đẩy học tiếng Anh theo hướng lấy người học làm trung tâm ở bậc đại học, đặc biệt trong bối cảnh sinh viên không chuyên. Xuất phát từ khoảng trống này, nghiên cứu hiện tại nhằm khảo sát tác động của việc sử dụng bài hát tiếng Anh đối với kỹ năng nghe, mức độ lo âu và động lực học tập của sinh viên không chuyên, đồng thời phân tích cách thức bài hát hỗ trợ triển khai giảng dạy theo hướng giao tiếp và lấy người học làm trung tâm trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam.

## II. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

### 2.1. Cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm trong giảng dạy ngoại ngữ

Cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm (learner-centered approach) xem người học là chủ thể tích cực của quá trình học tập, có khả năng kiến tạo tri thức thông qua tương tác xã hội, trải nghiệm cá nhân và sự tự điều chỉnh (Nunan, 1995). Trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ, cách tiếp cận này gắn chặt với Đường hướng Giao tiếp (Communicative Language Teaching – CLT), trong đó mục tiêu của việc học ngôn ngữ không chỉ là nắm vững cấu trúc mà còn là phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ một cách phù hợp trong các bối cảnh giao tiếp thực tế (Savignon, 2002).

Theo Hymes (1972), năng lực giao tiếp bao gồm không chỉ kiến thức ngôn ngữ mà còn khả năng vận dụng ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh xã hội và văn hóa. Từ góc độ tâm lý – xã hội, Vygotsky (1978) cho rằng học tập diễn ra hiệu quả nhất khi người học tham gia vào các hoạt động mang tính tương tác trong vùng phát triển gần (Zone of Proximal Development). Do đó, trong giảng dạy kỹ năng nghe, các hoạt động cần được thiết kế theo hướng tạo điều kiện cho người học tham gia, phản hồi và chia sẻ ý nghĩa, thay vì chỉ đóng vai trò thụ động tiếp nhận thông tin.

### 2.2. Âm nhạc và bài hát như học liệu xác thực trong dạy học tiếng Anh

Học liệu xác thực (authentic materials) được định nghĩa là những tài liệu được tạo ra cho mục đích giao tiếp thực tế chứ không phải cho mục đích sư phạm (Gilmore, 2007). Trong số các dạng học liệu xác thực, bài hát tiếng Anh nổi bật nhờ khả năng kết hợp ngôn ngữ với yếu tố cảm xúc và văn hóa. Murphey (1992) cho rằng bài hát cung cấp môi trường học tập tự nhiên, nơi người học tiếp xúc với ngữ âm, ngữ điệu và từ vựng trong ngữ cảnh có ý nghĩa.

Griffiee (1992) nhấn mạnh rằng bài hát không chỉ hỗ trợ việc luyện nghe mà còn tạo điều kiện cho việc tiếp nhận các cụm từ cố định (lexical chunks), vốn đóng vai trò quan trọng trong giao tiếp trôi chảy. Bên cạnh đó, âm nhạc còn góp phần tăng cường sự chú ý và khả năng ghi nhớ thông tin ngôn ngữ thông qua nhịp điệu và sự lặp lại, giúp người học tiếp nhận ngôn ngữ một cách vô thức và bền vững hơn.

### 2.3. Bài hát và cơ chế phát triển kỹ năng nghe

Nghe hiểu là một quá trình nhận thức phức tạp, bao gồm sự tương tác giữa xử lý từ dưới lên (bottom-up) và xử lý từ trên xuống (top-down)

(Field, 2008). Trong quá trình nghe, người học không chỉ giải mã các tín hiệu âm thanh mà còn vận dụng kiến thức nền, ngữ cảnh và kỳ vọng để xây dựng ý nghĩa (Vandergrift, 2007). Việc giảng dạy kỹ năng nghe hiệu quả do đó cần hỗ trợ người học phát triển các chiến lược nghe mang tính chủ động và tương tác.

Bài hát tiếng Anh, với cấu trúc lặp lại và nội dung giàu cảm xúc, tạo điều kiện thuận lợi cho cả hai cơ chế xử lý này. Giai điệu và nhịp điệu giúp người học dự đoán thông tin và duy trì luồng chú ý, trong khi lời bài hát cung cấp ngữ cảnh để người học suy luận ý nghĩa. Điều này đặc biệt có lợi đối với sinh viên không chuyên, những người thường gặp khó khăn trong việc theo kịp tốc độ và độ phức tạp của các bài nghe học thuật.

### 2.4. Yếu tố cảm xúc và động lực trong học ngoại ngữ

Các yếu tố cảm xúc đóng vai trò trung tâm trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai. Theo Giả thuyết Bộ lọc thụ cảm của Krashen (1985), những yếu tố như lo âu, động lực và sự tự tin có thể cản trở hoặc thúc đẩy việc tiếp nhận đầu vào ngôn ngữ. Khi bộ lọc thụ cảm ở mức thấp, người học có xu hướng tiếp nhận và xử lý đầu vào hiệu quả hơn.

Các nghiên cứu của Arnold (1999) và Dörnyei (2001) cũng cho thấy môi trường học tập tích cực và giàu cảm xúc góp phần thúc đẩy động lực nội tại và sự gắn kết của người học. Trong bối cảnh này, bài hát tiếng Anh đóng vai trò như một công cụ cảm xúc giúp giảm lo âu, tạo bầu không khí học tập thoải mái và khuyến khích người học tham gia tích cực vào các hoạt động nghe – nói trong lớp học.

### 2.5. Khung lý thuyết của nghiên cứu

Khung lý thuyết của nghiên cứu được xây dựng dựa trên sự tích hợp giữa Giả thuyết Đầu vào và Bộ lọc thụ cảm (Krashen, 1985), Đường hướng Giao tiếp (Canale & Swain, 1980) và mô hình xử lý kỹ năng nghe của Vandergrift (2007). Theo khung này, bài hát tiếng Anh đóng vai trò là nguồn đầu vào ngôn ngữ xác thực và giàu cảm xúc, giúp giảm rào cản tâm lý của người học. Các hoạt động nghe được thiết kế theo hướng giao tiếp và lấy người học làm trung tâm, qua đó tạo điều kiện cho việc phát triển kỹ năng nghe và động lực học tập. Kết quả đầu ra của quá trình này được thể hiện qua sự cải thiện năng lực nghe hiểu và sự tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh của sinh viên không chuyên ở bậc đại học.

## III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp (mixed-methods approach) với thiết kế bán thực nghiệm nhằm đánh giá tác động của việc sử dụng bài hát tiếng Anh trong giảng dạy kỹ năng nghe. Thiết kế này cho phép kết hợp ưu điểm của dữ liệu định lượng trong việc đo lường mức độ thay đổi và dữ liệu định tính trong việc lý giải trải nghiệm học tập của người học (Creswell & Creswell, 2017). Hai nhóm được sử dụng trong nghiên cứu gồm nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, đảm bảo tính so sánh giữa phương pháp giảng dạy truyền thống và phương pháp tích hợp bài hát.

### 3.2. Thu thập dữ liệu

Đối tượng nghiên cứu gồm 90 sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, được chia thành hai nhóm tương đương: nhóm thực nghiệm (45 sinh viên) và nhóm đối chứng (45 sinh viên). Cả hai nhóm đều có trình độ đầu vào tương đương, được xác nhận thông qua bài kiểm tra nghe trước can thiệp. Quá trình can thiệp được triển khai trong vòng 12 tuần, trong đó nhóm thực nghiệm được giảng dạy kỹ năng nghe thông qua các bài hát tiếng Anh tích hợp vào hoạt động giao tiếp, trong khi nhóm đối chứng học theo phương pháp nghe dựa trên giáo trình. Dữ liệu định lượng được thu thập thông qua bài kiểm tra nghe trước và sau can thiệp. Song song đó, phỏng vấn bán cấu trúc được tiến hành với sinh viên nhóm thực nghiệm nhằm thu thập dữ liệu định tính về trải nghiệm và cảm nhận của người học.

### 3.3. Quy trình phân tích

Dữ liệu định lượng được phân tích bằng kiểm định t-test độc lập nhằm xác định sự khác biệt giữa hai nhóm sau can thiệp. Chỉ số ảnh hưởng Cohen's d được sử dụng để đánh giá mức độ tác động của phương pháp giảng dạy. Dữ liệu định tính được xử lý theo phương pháp phân tích chủ đề (thematic analysis), trong đó các phản hồi của sinh viên được mã hóa, phân loại và tổng hợp thành các chủ đề có ý nghĩa sư phạm.

### 3.4. Độ tin cậy và tính hợp lệ của công cụ nghiên cứu

Để đảm bảo độ tin cậy và tính hợp lệ của các công cụ nghiên cứu, nghiên cứu này đã triển khai nhiều biện pháp kiểm chứng phù hợp với nghiên cứu giáo dục. Trước hết, bài kiểm tra nghe trước và sau can thiệp được thiết kế dựa trên mục tiêu học tập của học phần tiếng Anh không chuyên và có mức độ tương đương về nội dung, độ khó và cấu trúc. Độ tin cậy nội tại của bài kiểm tra được kiểm định thông qua hệ số Cronbach's alpha, cho kết quả đạt mức chấp nhận được theo tiêu chuẩn của nghiên cứu khoa học xã hội (Cronbach, 1951; Field, 2018), cho thấy các mục trong bài kiểm tra có mức độ nhất quán cao.

Về tính hợp lệ nội dung (content validity), các bài kiểm tra và câu hỏi phỏng vấn được xây dựng dựa trên cơ sở lý thuyết về giảng dạy kỹ năng nghe và Đường hướng Giao tiếp, đồng thời được tham vấn ý kiến của các giảng viên tiếng Anh có kinh nghiệm nhằm đảm bảo sự phù hợp với đối tượng nghiên cứu. Tính hợp lệ cấu trúc (construct validity) được củng cố thông qua việc đối chiếu các kết quả định lượng với dữ liệu định tính thu thập từ phỏng vấn bán cấu trúc, qua đó tăng cường độ tin cậy của các kết luận rút ra (Creswell & Creswell, 2017). Việc kết hợp nhiều nguồn dữ liệu và phương pháp phân tích góp phần nâng cao tính hợp lệ tổng thể của nghiên cứu.

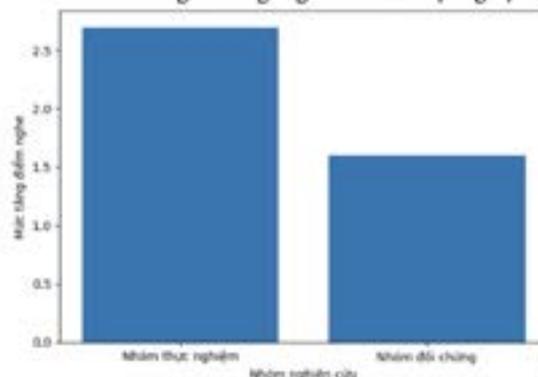
## IV. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 4.1. Sự phát triển kỹ năng nghe của sinh viên

Kết quả phân tích cho thấy trước khi can thiệp, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa điểm số pre-test của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ( $p > .05$ ), qua đó xác nhận tính tương đương về trình độ đầu vào. Sau 12 tuần triển khai, cả hai nhóm đều có sự cải thiện về kỹ năng nghe; tuy nhiên, mức độ tiến bộ của nhóm thực nghiệm vượt trội hơn đáng kể.

Như thể hiện mức tăng điểm trung bình của nhóm thực nghiệm (+2.7) cao hơn rõ rệt so với nhóm đối chứng (+1.6). Sự khác biệt này cho thấy việc tích hợp bài hát tiếng Anh vào giảng dạy kỹ năng nghe không chỉ đóng vai trò hỗ trợ mà còn tạo ra tác động thực chất đến kết quả học tập của sinh viên không chuyên.

Hình 1. Mức tăng điểm nghe giữa 2 nhóm thực nghiệm



#### 4.2. Ý nghĩa sự phạm của kết quả định lượng

Kết quả kiểm định t-test độc lập trên điểm post-test cho thấy sự khác biệt giữa hai nhóm đạt mức ý nghĩa thống kê rất cao ( $p < .001$ ). Đặc biệt, chỉ số ảnh hưởng Cohen's d ở ngưỡng lớn cho thấy tác động mạnh mẽ của phương pháp can thiệp. Thay vì chỉ xem đây là một chỉ số thống kê, nghiên cứu này diễn giải chỉ số ảnh hưởng như một minh chứng cho giá trị sự phạm của việc sử dụng bài hát trong dạy học nghe.

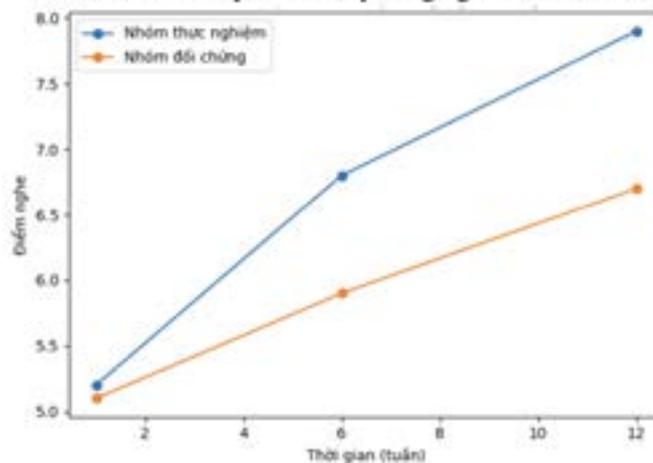
Figure 1 minh họa trực quan mức độ chênh lệch về mức tăng điểm giữa hai nhóm, qua đó củng cố các kết quả định lượng. Mức tác động lớn cho thấy việc học nghe thông qua bài hát góp phần cải thiện điều kiện tiếp nhận ngôn ngữ, phù hợp với

Giả thuyết Bộ lọc thụ cảm của Krashen, theo đó việc giảm lo âu và tăng hứng thú sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tiếp thu đầu vào ngôn ngữ.

#### 4.3. Tiến trình học tập qua thời gian

Không chỉ dừng lại ở kết quả cuối kỳ, hình 2 cho thấy tiến trình phát triển kỹ năng nghe của sinh viên trong suốt 12 tuần can thiệp. Trong khi cả hai nhóm đều có xu hướng tiến bộ, nhóm thực nghiệm thể hiện tốc độ phát triển nhanh hơn, đặc biệt ở giai đoạn đầu và giữa chương trình. Điều này gợi ý rằng bài hát có tác dụng kích hoạt sự tham gia của người học ngay từ những tuần đầu, từ đó duy trì động lực và sự gắn kết trong suốt quá trình học tập.

Hình 2. Tiến trình phát triển kỹ năng nghe của sinh viên

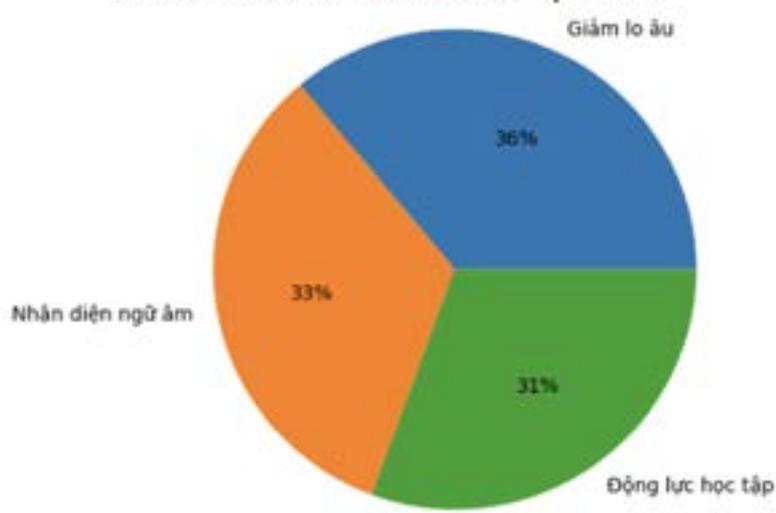


#### 4.4. Kết quả định tính và thảo luận lý thuyết

Dữ liệu định tính từ phỏng vấn bán cấu trúc cho thấy phần lớn sinh viên cảm nhận rõ sự giảm lo âu và tăng hứng thú khi tham gia các hoạt động nghe có sử dụng bài hát. Nhiều sinh viên cho biết họ dễ dàng nhận diện nổi âm, trọng âm và ngữ điệu hơn thông qua lời bài hát,

đồng thời chủ động nghe thêm nhạc tiếng Anh ngoài giờ học. Sự tương thích giữa kết quả định lượng và định tính củng cố luận điểm rằng bài hát không chỉ là học liệu hỗ trợ mà còn là một công cụ sự phạm giúp hiện thực hóa cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm trong khuôn khổ Đường hướng Giáo tiếp.

Hình 3. Phân bố các chủ đề định tính



## V. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### 5.1. Kết luận

Nghiên cứu này nhằm khảo sát hiệu quả của việc sử dụng bài hát tiếng Anh trong giảng dạy kỹ năng nghe theo hướng lấy người học làm trung tâm đối với sinh viên không chuyên tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai. Dựa trên phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, kết quả định lượng cho thấy nhóm thực nghiệm có sự cải thiện vượt trội về năng lực nghe so với nhóm đối chứng sau 12 tuần can thiệp, với mức độ khác biệt có ý nghĩa thống kê cao. Chỉ số ảnh hưởng lớn cho thấy tác động của can thiệp không chỉ mang tính ngắn hạn mà phản ánh sự thay đổi thực chất trong quá trình học tập của người học.

Bên cạnh đó, dữ liệu định tính đã làm sáng tỏ cơ chế tác động của bài hát đối với việc học nghe. Việc giảm lo âu, tăng khả năng nhận diện đặc điểm ngữ âm tự nhiên và gia tăng động lực tự học được xác định là những yếu tố then chốt góp phần nâng cao hiệu quả học tập. Những phát hiện này củng cố các học thuyết thụ đắc ngôn ngữ, đặc biệt là Giả thuyết Bộ lọc thụ cảm của Krashen và các nguyên lý của Đường hướng Giao tiếp, đồng thời khẳng định vai trò của bài hát như một công cụ sư phạm hiệu quả trong bối cảnh giáo dục đại học.

### 5.2. Khuyến nghị chính sách và sư phạm

Từ kết quả nghiên cứu, một số khuyến nghị được đề xuất cho công tác giảng dạy và quản lý giáo dục đại học. Trước hết, các cơ sở đào tạo nên khuyến khích giảng viên tích hợp các học liệu xác thực như bài hát tiếng Anh vào chương trình giảng dạy kỹ năng nghe, đặc biệt đối với sinh viên không chuyên. Việc này không nhằm thay thế

giáo trình truyền thống mà đóng vai trò bổ trợ, giúp đa dạng hóa hình thức tiếp cận ngôn ngữ và tạo môi trường học tập thân thiện, giảm áp lực cho người học.

Về mặt sư phạm, giảng viên cần thiết kế các hoạt động nghe xoay quanh bài hát theo quy trình rõ ràng, kết hợp giữa trước–trong–sau khi nghe, nhằm đảm bảo tính định hướng và phát huy vai trò chủ động của người học. Ngoài ra, việc khuyến khích sinh viên tự khám phá và nghe thêm các bài hát ngoài lớp học có thể góp phần duy trì động lực học tập và mở rộng không gian học tập vượt ra ngoài phạm vi lớp học truyền thống.

### 5.3. Hướng nghiên cứu tương lai

Mặc dù nghiên cứu đã cung cấp những bằng chứng thực nghiệm có giá trị, vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định. Nghiên cứu được tiến hành trên một số lượng sinh viên giới hạn và trong khoảng thời gian 12 tuần, do đó chưa thể phản ánh đầy đủ tác động dài hạn của việc sử dụng bài hát trong giảng dạy kỹ năng nghe. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng quy mô mẫu, kéo dài thời gian can thiệp hoặc so sánh hiệu quả của bài hát với các loại học liệu xác thực khác như phim ảnh, podcast hoặc video trực tuyến.

Ngoài ra, các nghiên cứu tương lai có thể tập trung phân tích sâu hơn tác động của bài hát đối với từng tiêu kỹ năng nghe hoặc xem xét vai trò của các yếu tố cá nhân như trình độ đầu vào, phong cách học tập và sở thích âm nhạc của người học. Những hướng tiếp cận này sẽ góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc ứng dụng âm nhạc trong giảng dạy tiếng Anh ở bậc đại học.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cohen, J. (1988). *Statistical power analysis for the behavioral sciences* (2nd ed.). Lawrence Erlbaum Associates.
- Deci, E. L., & Ryan, R. M. (2000). The “what” and “why” of goal pursuits: Human needs and the self-determination of behavior. *Psychological Inquiry*, 11(4), 227–268. [https://doi.org/10.1207/S15327965PLI1104\\_01](https://doi.org/10.1207/S15327965PLI1104_01)
- Field, J. (2008). *Listening in the language classroom*. Cambridge University Press.
- Krashen, S. D. (1985). *The input hypothesis: Issues and implications*. Longman.
- Murphey, T. (1992). *Music and song*. Oxford University Press.
- Nunan, D. (1995). *Language teaching methodology: A textbook for teachers*. Prentice Hall.
- Savignon, S. J. (2002). *Communicative language teaching: Linguistic theory and classroom practice*. In S. J. Savignon (Ed.), *Interpreting communicative language teaching: Contexts and concerns in teacher education* (pp. 1–27). Yale University Press.
- Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.